TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/HNGĐ-PT
Ngày 21-5-2018
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thu Hương

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị T1hu Thủy

Ông Lương Ngọc Dũng

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thẩm tra viên Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2018/TLPT-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp ly hôn.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 18/2018/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 899/2018/QĐ-PT ngày 02 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đặng Kim O; nơi cư trú: Số 26/800A đường TL, phường KD, quận LC, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T1; nơi cư trú: Số 26/800A đường TL, phường KD, quận LC, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người kháng cáo*: Bà Nguyễn Thị T1 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ và bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau: Ông Đặng Kim O và bà Nguyễn Thị T1 kết hôn từ năm 1980 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Dư Hàng Kênh, huyện An Hải, thành phố Hải Phòng và có 3 con chung là Đặng Kim T2 sinh năm 1981, Đặng Kim T3 sinh năm 1983 và Đặng Kim Ba sinh năm 1988.

Nguyên đơn là ông Đặng Kim O trình bày: Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bà T1 cờ bạc phá tán tài sản của gia đình, không tôn trọng chồng, hay gây sự chửi bới ghen tuông vô cớ, nên vợ chồng hay cãi nhau, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài nhiều năm. Nay ông xác định mâu thuẫn không thể hòa giải, tình cảm vợ chồng không còn, hai bên không có tiếng nói chung, không quan tâm chia sẻ với nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn. Về con chung: Hiện cả ba con đã trưởng thành nên vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra. Về tài sản chung: Ông O không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T1 trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông O có quan hệ bất chính với bà Trần Thị Ng trú tại số 24/51 Đình Đông, phường Đông Hải, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Ông O làm nghề thầy pháp còn bà Ng là bà đồng nên thường xuyên qua lại với nhau, bỏ mặc bà. Ông O thường bỏ nhà đi cùng bà Ng nhiều ngày mặc dù bà đã cố ngăn cản. Nay ông O có đơn xin ly hôn với bà thì bà chỉ đồng ý ly hôn nếu ông O chia tài sản chung cho bà hoặc cấp dưỡng tiền cho bà hàng tháng. Nếu không chia tài sản chung thì bà không đồng ý ly hôn và bà không có tiền nộp tiền tạm ứng án phí để yêu cầu chia tài sản chung đơn phương.

Với nội dung nêu trên tại Bản án sơ thẩm số 18/2018/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Căn cứ các điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 91, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho ông Đặng Kim O ly hôn với bà Nguyễn Thị T1.

- Về con chung: Cả ba con chung đều đã trưởng thành nên vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra.

- Về tài sản chung: Tách yêu cầu chia tài sản chung của bà T1 và giành quyền khởi kiện vụ án dân sự khác về chia tài sản chung của vợ chồng cho các đương sự nếu có yêu cầu.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Bị đơn là bà Nguyễn Thị T1 kháng cáo với nội dung nếu ông O bỏ ra ngoài sống thì phải viết giấy ủy quyền trước pháp luật xác định chủ quyền ½ tài sản của bà. Bà kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn bà Nguyễn Thị T1 trình bày: Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Vợ chồng mâu thuẫn từ cách đây bảy năm là do ông O có quan hệ với bà Trần Thị Ng, hai người thường xuyên đi với nhau, bà đã khuyên can nhiều nhưng không có kết quả. Từ hai năm nay thì ông O không có trách nhiệm gì với bà. Bà lấy chồng từ

năm 19 tuổi, yêu thương chăm sóc và cùng ông O xây dựng gia đình thì ông O mới có được như ngày hôm nay. Do vậy khi ông O có quan hệ với người khác bà rất tuyệt vọng. Tuy nhiên bà thấy vẫn hạnh phúc và bà không đồng ý ly hôn với ông O. Tại phiên tòa này, ông O vẫn quyết tâm ly hôn với bà thì bà vẫn không đồng ý cho dù bây giờ ông O có chia tài sản cho bà thì bà cũng không đồng ý ly hôn. Ông O muốn đi đâu thì đi đừng có kéo bà đi, con người ông O đã hoàn toàn thay đổi, hai người không còn quan trọng gì. Bây giờ bà cũng không đề nghị chia tài sản nữa.

Nguyên đơn ông Đặng Kim O trình bày: Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc từ nhiều năm, bà T1 luôn nghi ngờ và gây sức ép và đe dọa ông, nếu còn chung sống cùng nhau có ngày tính mạng ông không còn. Bà T1 luôn ghen tuông vô cớ, ông làm thầy cúng nên thường xuyên đi làm, ông quan hệ với người khác đó là mối quan hệ làm ăn. Đến thời điểm hiện nay ông không còn tình cảm với bà T1, ông đã tạo cơ hội cho bà T1 nhiều nhưng bà T1 không thay đổi, ông không muốn kéo dài thêm cuộc sống như hiện nay nữa, mong muốn Tòa án giải quyết dứt điểm để ông còn yêu tâm làm ăn.

Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa có quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Căn cứ lời khai của các đương sự và tài liệu có trong hồ sơ thì xác định giữa ông O bà T1 đã có mâu thuẫn từ nhiều năm, chính quyền địa phương đã hòa giải nhưng không có kết quả. Bà T1 nói ông O có quan hệ với người phụ nữ khác nhưng bà không có tài liệu để chứng minh. Kháng cáo của bà T1 không có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bà T1 và giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Bà T1, ông O phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ, cũng như lời trình bày của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án ly hôn, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Lời khai của hai bên đương sự đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và thường xuyên xô xát, cãi nhau. Nhưng nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn thì các bên trình bày không thống nhất. Theo ông O thì mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh do bà T1 chơi cờ bạc phá tán tài sản gia đình, ghen tuông vô cớ, hay xúc phạm, chửi bới ông. Theo bà T1 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do ông O ngoại tình rồi về ruồng rẫy bà.

[3] Lời khai của con chung của ông O bà T1 đều xác định: Ông O là người chăm chỉ làm ăn có trách nhiệm với gia đình. Ông làm nghề thầy cúng việc nhiều

nên thường xuyên đi sớm về khuya, làm không hết việc. Bà T1 làm nghề thầy bói nhưng ít việc không kiếm ra tiền, kinh tế phụ thuộc sinh ra khó tính hay kiếm cớ gây sự cãi nhau gây mất đoàn kết gia đình, suy đoán sai cho ông O. Việc bà T1 nói ông O cặp bồ với bà Ng là không có mà hai người chỉ có mối quan hệ làm ăn với nhau.

[4] Đại diện tổ dân phố cung cấp: Ông O, bà T1 thường xảy ra cãi nhau, hai bên không tôn trọng nhau, nhất là bà T1 chửi ông O rất nhiều. Ông O nói bà T1 cờ bạc, hỏi hàng xóm thì không ai cung cấp vì ngại. Bà T1 nói ông O ngoại tình, hỏi các con của ông bà thì họ đều nói không có. Tổ dân phố đã hòa giải nhưng không có kết quả. Theo quan điểm của địa phương thì Tòa án căn cứ pháp luật để giải quyết sao cho gia đình ông O bà T1 tránh những xô xát va chạm cũng như hậu quả đáng tiếc về sau.

[5] Như vậy, căn cứ vào lời khai của bà T1 tại phiên tòa và các tài liệu nêu trên thì mâu thuẫn giữa ông O bà T1 kéo dài suốt bảy năm nay. Nguyên nhân do vợ chồng không tin tưởng, tôn trọng nhau dẫn đến thường xuyên đánh cãi nhau gây mất đoàn kết gia đình và trật tự xóm phố. Mâu thuẫn của ông bà đã được chính quyền địa phương nhắc nhở, hòa giải nhưng không có kết quả, Ông bà đã ly thân từ tháng 5/2017, không còn quan tâm đến nhau. Bà T1 có quan điểm bà đồng ý ly hôn nếu ông O chịu cấp dưỡng cho bà hoặc chia tài sản cho bà sử dụng riêng, như vậy thể hiện bà T1 cũng không còn tình cảm gì với ông O. Từ phân tích trên, Bản án sơ thẩm xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa ông O bà T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và cho ly hôn là có căn cứ.

[6] Về tài sản chung: Ông O là nguyên đơn không yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng. Bà T1 có yêu cầu xin chia tài sản chung là nhà, đất của vợ chồng, Tòa án đã có Thông báo về việc giao nộp bổ sung tài liệu chứng cứ yêu cầu bà T1 nêu rõ yêu cầu chia những tài sản gì? Trị giá bao nhiêu? (để làm cơ sở tính tiền tạm ứng án phí) nhưng bà T1 không bổ sung. Bà cũng đã được Tòa án giải thích nhiều lần nhưng không đồng ý nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản. Như vậy mặc dù bà T1 có yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng nhưng bà không thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật nên Bản án sơ thẩm không xem xét, tách ra để giải quyết bằng vụ án khác là có căn cứ.

[7] Từ những phân tích trên, căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 18/2018/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị T1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị T1.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 18/2018/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

- Về hôn nhân: Ông Đặng Kim O được ly hôn với bà Nguyễn Thị T1.

- Về con chung: Cả ba con chung đều đã trưởng thành nên vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra.

- Về tài sản chung: Tách yêu cầu chia tài sản chung của bà T1. Việc chia chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn sẽ được xem xét giải quyết khi các đương sự có yêu cầu và đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật.

2. Về án phí dân sự:

- Ông Đặng Kim O phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ đã nộp theo Biên lai số 0005008 ngày 19 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân. Ông Đặng Kim O đã nộp đủ .

- Bà Nguyễn Thị T1 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn phúc thẩm. Được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ly hôn phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0005054 ngày 02 tháng 4 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND quận Lê Chân;
- Chi cục THADS quận Lê Chân;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thu Hương